

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH SẢN XUẤT HƯƠNG LIỆU VÀ PHỤ KIỆN
CIGAR VIHAA**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH SẢN XUẤT
HƯƠNG LIỆU VÀ PHỤ KIỆN CIGAR VIHAA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110508251

3. Ngày thành lập: 13/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô C3 - Lô N4C - Khu tái định cư X2A, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904091666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634(Chính)
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
9.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
11.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
12.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
13.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
14.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
17.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
20.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
21.	In ấn	1811
22.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
23.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
24.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ Hoạt động Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
28.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
29.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ Hoạt động của đấu giá viên, trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí))	4789
30.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường không)	5229
34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
35.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
36.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
37.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
38.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
41.	Xây dựng nhà để ở	4101
42.	Xây dựng nhà không để ở	4102
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	Xây dựng công trình điện	4221

46.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
47.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
48.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ dược phẩm)	4772

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ THUẬN	Việt Nam	Dự án khu nhà ở Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	10,000	025190000905	
2	NGUYỄN VĂN TUẤN	Việt Nam	P101-103 phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	7.000.000.000	70,000	036072004743	
3	NGUYỄN LÊ THU TRANG	Việt Nam	P101-P13 phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	20,000	001195009379	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ THỊ THUẬN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025190000905

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Dự án khu nhà ở Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Dự án khu nhà ở Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội